

Số: 658 /QĐ-UBND

Quảng Bạch, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
xã Quảng Bạch quý III năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG BẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Quảng Bạch về giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Quảng Bạch về việc giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Quảng Bạch tại Tờ trình số 255/TTr-KT ngày 02/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách của xã Quảng Bạch quý III năm 2026 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Kho bạc nhà nước Khu vực VII - Phòng giao dịch số 7 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính; (B/cáo)
- Như Điều 3 (T/hiện)
- TT. Đảng ủy, TT HĐND xã; (B/cáo)
- LĐ UBND xã;
- LĐ VP HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ma Chí Hiếu



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1,400,000,000	687,344,498	4,417,863,013	316%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1,400,000,000	687,344,498	1,162,986,747	83%	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54,319,000,000	15,049,642,452	72,389,548,409	133%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1,258,000,000	629,642,452	4,320,947,821	343%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		578,113,329	4,206,474,356		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		51,529,123	114,473,465		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	53,061,000,000	14,420,000,000	41,880,564,000	79%	
1	Bổ sung cân đối	39,994,000,000	10,400,000,000	30,600,000,000	77%	
2	Bổ sung có mục tiêu	13,067,000,000	4,020,000,000	11,280,564,000	86%	
III	Thu viện trợ					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			26,179,545,386		
V	Thu kết dư			8,491,202		
C	TỔNG CHI NSDP	54,319,000,000	16,479,657,100	44,254,858,423	81%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	54,319,000,000	16,479,657,100	44,254,858,423	81%	
1	Chi đầu tư phát triển	2,230,000,000	2,710,060,948	8,144,112,204	365%	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	50,857,000,000	13,769,596,152	36,110,746,219	71%	
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	1,232,000,000			0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 658/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Phát sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1,400,000,000	687,344,498	4,417,863,013	316%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1,400,000,000	687,344,498	1,162,986,747	83%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo			80,992		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	363,000,000	300,586,267	426,948,832	118%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	70,000,000	16,002,166	59,379,191	85%	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	407,000,000	180,194,651	346,243,510	85%	
	<i>Trở lại: Lệ phí trước bạ</i>	258,000,000	162,713,201	313,483,060	122%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	310,000,000	61,423,100	143,381,112	46%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,000,000	794,110	812,542	81%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	9,000,000	60,628,990	63,629,470	707%	
-	Thu tiền sử dụng đất	300,000,000		78,939,100	26%	
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	250,000,000	129,138,314	186,953,110	75%	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		629,642,452	4,320,947,821		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP		51,529,123	114,473,465		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		578,113,329	4,206,474,356		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP QUÝ III NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 02/10/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	89,070,856,657	16,479,657,100	44,254,858,423	50%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	89,070,856,657	16,479,657,100	44,254,858,423	50%	
I	Chi đầu tư phát triển	24,874,422,360	2,710,060,948	8,144,112,204	33%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	21,672,291,266	2,662,421,120	7,406,576,120	34%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	3,202,131,094	47,639,828	737,536,084	23%	
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	62,590,967,441	13,769,596,152	36,110,746,219	58%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18,912,000,000	4,233,020,325	12,825,126,846	68%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	719,000,000	448,863,239	448,863,239	62%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1,232,000,000			0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế	373,466,856			0%	
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					